

Bản án số: 1523/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/11/2017

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Nhung**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Thành Châu**

2. Ông **Phạm Văn Hải**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2017/TLST-HN ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2538/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Ngọc Thu T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: 152/1 Cần Giuộc, phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: 795 Stonegate Drive, Woodstock, Ontario, N4V 1H5, Canada.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 và bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Ngọc Thu T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 783, quyền số 04 ngày 28/3/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chị chồng ở Việt Nam. Cuộc sống chung hạnh phúc bình thường khoảng 01 tháng thì ông Nguyễn Văn T quay về lại Canada. Tháng 02/2016, ông T có về Việt Nam thăm vợ một thời gian ngắn; khoảng thời gian còn lại vợ chồng liên lạc với nhau qua mạng internet. Do thời gian thực tế chung sống giữa vợ chồng rất ít nên vợ chồng không hiểu nhau nhiều, không thật sự tin tưởng nhau, thường xảy ra cãi vã, to tiếng và nhiều lời lẽ làm tổn thương nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt

dân. Từ tháng 9/2016 đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn có thể tiếp tục đời sống chung hạnh phúc nên yêu cầu giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 14/9/2017 của bị đơn ông Nguyễn Văn T được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Ôt-ta-oa, Canada chứng nhận ngày 25/9/2017 có nội dung như sau:

Ông và bà Lê Ngọc Thu T kết hôn với nhau vào ngày 17/3/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 783, quyển số 04 ngày 28/3/2014 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời gian đầu chung sống khoảng 02 tháng vợ chồng thấy vui vẻ và hạnh phúc. Từ tháng 03/2016 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng sống xa nhau, suy nghĩ lệch lạc, không còn hòa hợp để vun đắp hạnh phúc gia đình. Bà Thủy yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Ngọc Thu T, bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Ngọc Thu T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại Canada; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Lê Ngọc Thu T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 783 Quyển số 04 ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của cả đôi bên thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì ông Nguyễn Văn T quay trở về Canada sinh sống. Từ khi kết hôn đến nay, ông T chỉ về Việt Nam thăm vợ có 01 lần. Vì thời gian sống chung giữa vợ chồng quá ít nên thiếu sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn có thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục cuộc hôn nhân hạnh phúc. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa đôi bên là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Đôi bên khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Đôi bên khai không có.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc Thu T được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 783 quyển số 04 ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Lê Ngọc Thu T nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, căn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Thủy đã nộp tại Biên lai thu số 0047058 ngày 03/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Thủy đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Lê Ngọc Thu T và bị đơn ông Nguyễn Văn T; bà Lê Ngọc Thu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Châu**

**Phạm Văn Hải**

**Trần Thị Nhung**



***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhung**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN**                      **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Trần Thị Nhung**